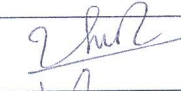

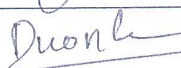

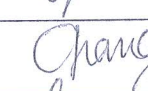
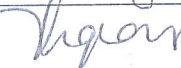

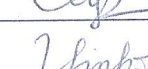
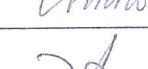






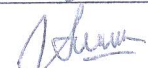



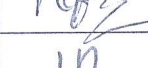

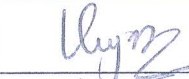
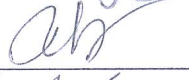
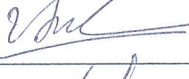
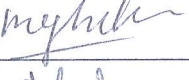
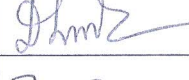
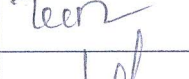

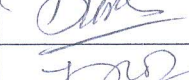
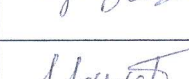
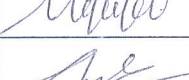
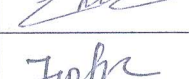
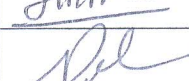
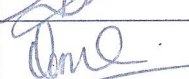
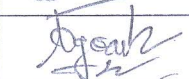



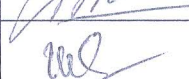
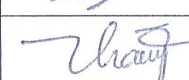
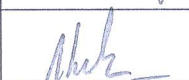

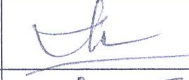




Quảng Trị, ngày 29 tháng 10 năm 2019

**BẢNG GHI ĐIỂM THI**  
**MÔN: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG**  
**LỚP: TRUNG CẤP LLCT - HC KT 38**

SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM		GHI CHÚ
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Lê Thị Thùy An					KĐĐK
2	Lê Thị Chính	02		7,5	Bảy lăm	
3	Bùi Hải Đăng	02		8,0	Tám	
4	Trần Thái Dương	02		8,0	Tám	
5	Phan Thị Hà Giang	02		7,5	Bảy lăm	
6	Võ Thị Hoài Giang	02		8,0	Tám	
7	Vũ Thị Kiều Giang	02		8,0	Tám	
8	Nguyễn Ngọc Hà	02		8,0	Tám	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02		8,0	Tám	
10	Trần Thị Hà	03		8,0	Tám	
11	Võ Văn Hà	02		7,5	Bảy lăm	
12	Trần Bình Hải	12		7,5	Bảy lăm	
13	Trần Thanh Hải	02		7,5	Bảy lăm	
14	Lê Thị Hằng	02		8,0	Tám	
15	Hoàng Thị Thu Hiền	03		8,0	Tám	
16	Lê Văn Hiền	02		7,5	Bảy lăm	
17	Lê Quận Hoàng	02		8,0	Tám	
18	Nguyễn Nhất Huân	02		7,5	Bảy lăm	
19	Nguyễn Mạnh Hùng	02		7,5	Bảy lăm	
20	Nguyễn Văn Hùng	02		7,5	Bảy lăm	
21	Nguyễn Thị Lan Hương	02		7,5	Bảy lăm	



SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM	
				Bảng số	Bảng chữ
22	Ngô Đức Huy	02		7,5	Bảy lăm
23	Nguyễn Thị Huyền	03		8,0	Tám
24	Hồ Văn Lâm	02		8,0	Tám
25	Trần Thị Minh Lệ	02		8,0	Tám
26	Trần Mỹ Linh	02		7,5	Bảy lăm
27	Trần Thị Diệu Linh	02		8,0	Tám
28	Đào Thị Thanh Loan	02		8,0	Tám
29	Ngô Thị Hiền Lương	02		8,0	Tám
30	Phạm Thị Đức Minh	02		7,5	Bảy lăm
31	Trần Thị Thu Ngân	02		7,5	Bảy lăm
32	Trần Thị Minh Nguyệt	02		8,0	Tám
33	Lê Chí Nhi	02		7,5	Bảy lăm
34	Hồ Thị Cẩm Nhung	02		7,5	Bảy lăm
35	Phan Thị Quỳnh Nhung	02		8,0	Tám
36	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	02		7,5	Bảy lăm
37	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	03		8,0	Tám
38	Nguyễn Bá Phú	2		7,5	Bảy lăm
39	Hồ Sỹ Sáng	02		7,5	Bảy lăm
40	Nguyễn Văn Sanh	02		7,5	Bảy lăm
41	Hoàng Thị Kim Thái	03		8,0	Tám
42	Nguyễn Đức Thắng	02		7,5	Bảy lăm
43	Lê Thị Thanh	02		7,5	Bảy lăm
44	Hoàng Lương Thành	02		7,5	Bảy lăm
45	Trần Đức Thành	01		7,0	Bảy
46	Ngô Thị Bích Thảo	02		8,0	Tám



SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM		GHI CHÚ
				Bảng số	Bảng chữ	
47	Trần Văn Thi	02		8,0	Tám	
48	Mai Thị Lệ Thu	03		7,5	Bảy lưỡ	
49	Nguyễn Thị Thanh Thủy	03		7,5	Bảy lưỡ	
50	Lê Thị Thúy	02		7,5	Bảy lưỡ	
51	Mai Xuân Tiên	02		7,5	Bảy lưỡ	
52	Nguyễn Việt Tiến	02		7,5	Bảy lưỡ	
53	Nguyễn Thị Tính	02		8,0	Tám	
54	Nguyễn Hữu Toán	02		7,5	Bảy lưỡ	
55	Ngô Thị Thu Trang	02		7,5	Bảy lưỡ	
56	Trần Công Trường	02		7,5	Bảy lưỡ	
57	Đào Ngọc Tuấn	02		7,5	Bảy lưỡ	
58	Hồ Ngọc Tuấn	01		7,5	Bảy lưỡ	
59	Trần Quốc Tuấn	02		7,5	Bảy lưỡ	
60	Nguyễn Sơn Tùng	01		7,5	Bảy lưỡ	
61	Phạm Quang Tuyền	02		7,5	Bảy lưỡ	
62	Nguyễn Thanh Tuyền	02		7,5	Bảy lưỡ	
63	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	02		7,5	Bảy lưỡ	
64	Bùi Thị Bích Vân	03		8,0	Tám	
65	Nguyễn Đặng Vĩnh	02		7,5	Bảy lưỡ	
66	Nguyễn Việt Xuân	02		7,5	Bảy lưỡ	
67	Trần Thị Mai Yên	02		7,5	Bảy lưỡ	
68	Phạm Thị Hoàng Yên	02		7,5	Bảy lưỡ	
69	Trần Thị Yên	02		7,5	Bảy lưỡ	

Tổng số học viên: 69

Số học viên đủ điều kiện thi: 68



Tổng số bài thi: 68

Loại xuất sắc: (Từ 9.0 đến 10.0 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

Loại giỏi: (Từ 8.0 đến 8.5 điểm).....24.....bài, chiếm.....35,3.....%

Loại khá: (Từ 7.0 đến 7.5 điểm).....44.....bài, chiếm.....64,7.....%

Loại TB: (Từ 5.0 đến 6.5 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

Loại yếu: (dưới 5.0 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

**THƯ KÝ HĐT**



Nguyễn Thị Mỹ Vân

**CHỦ TỊCH HĐT**



Ngô Thị Thu Hà